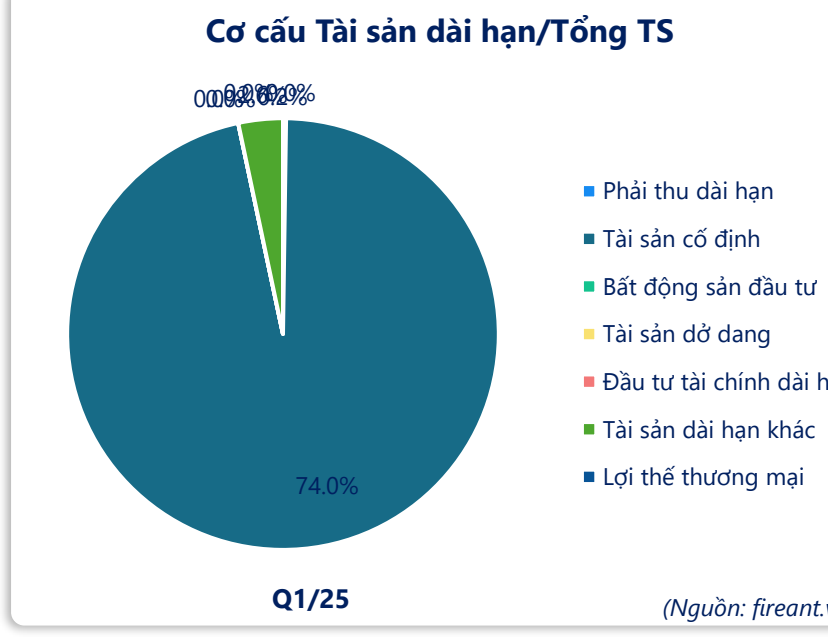
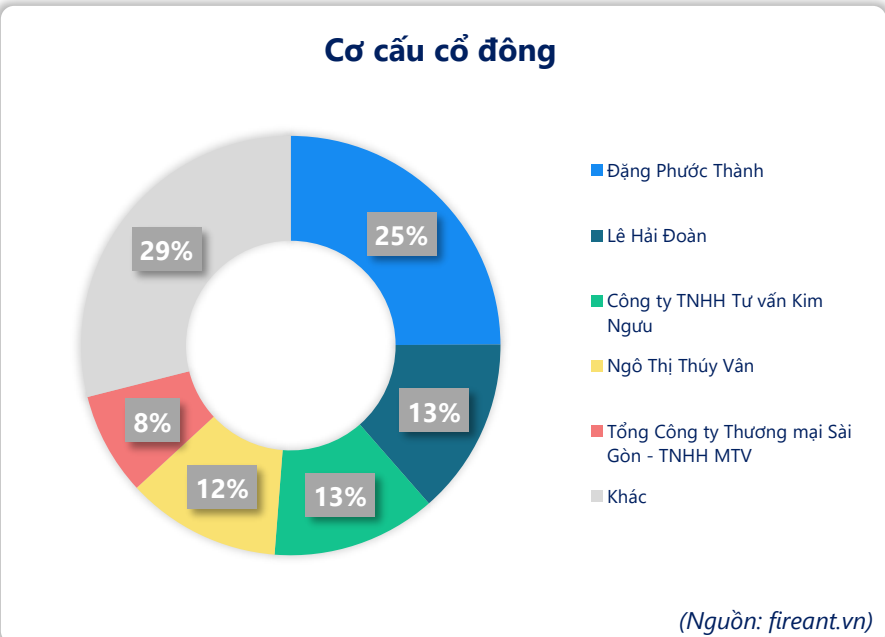
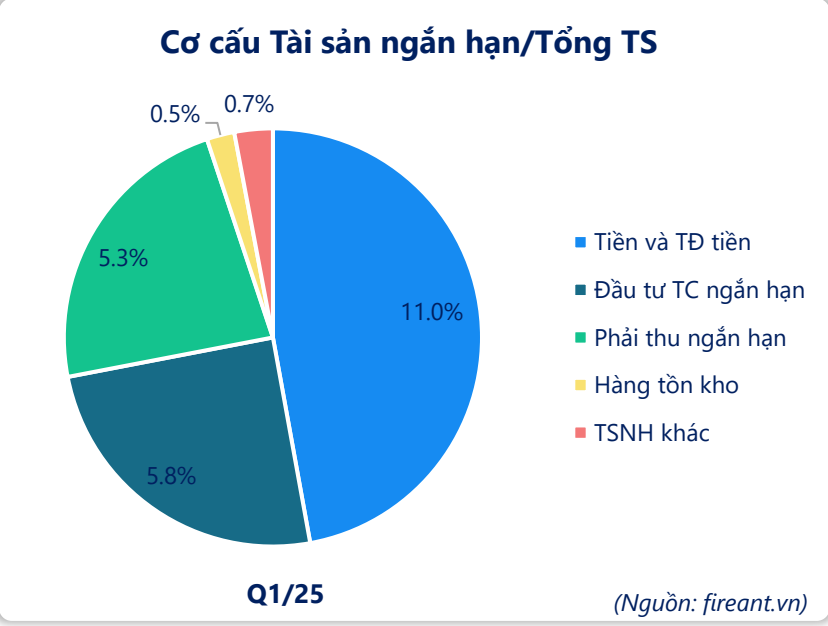
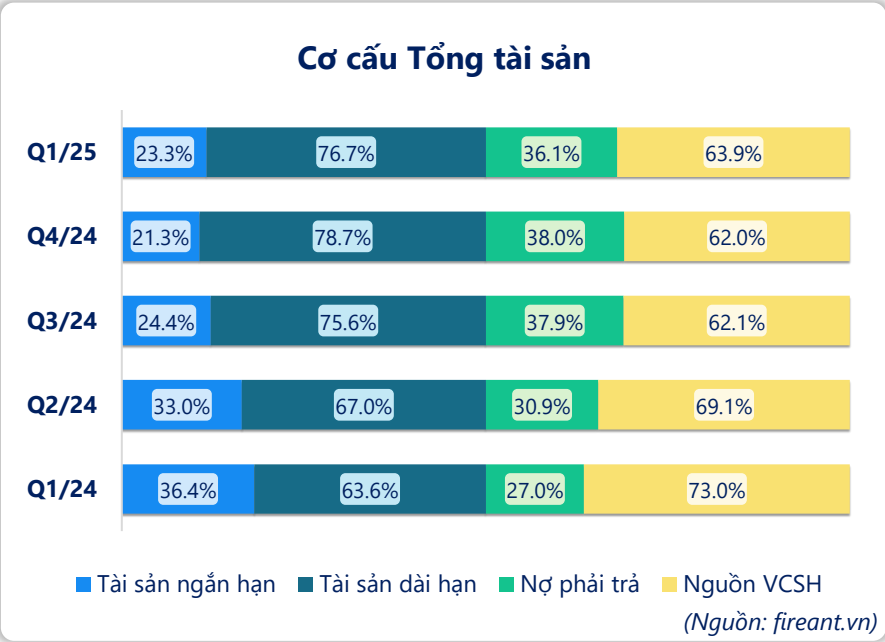
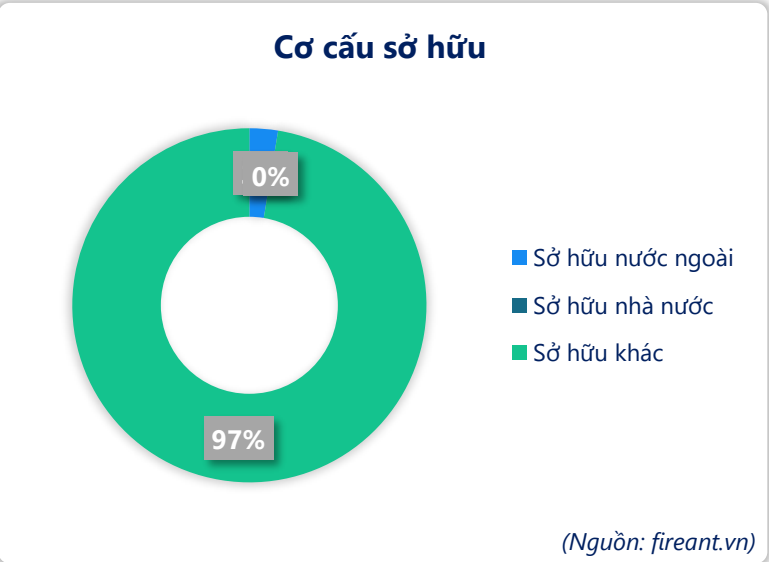
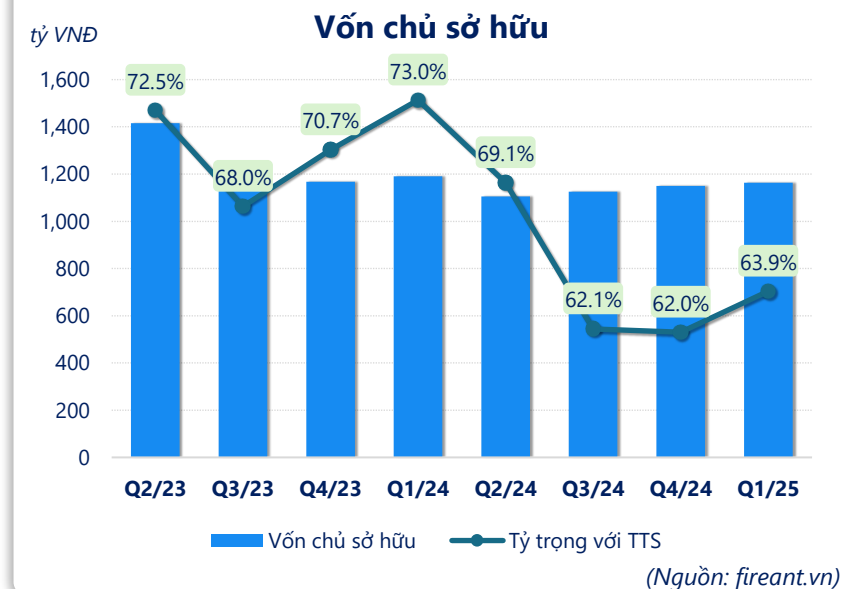
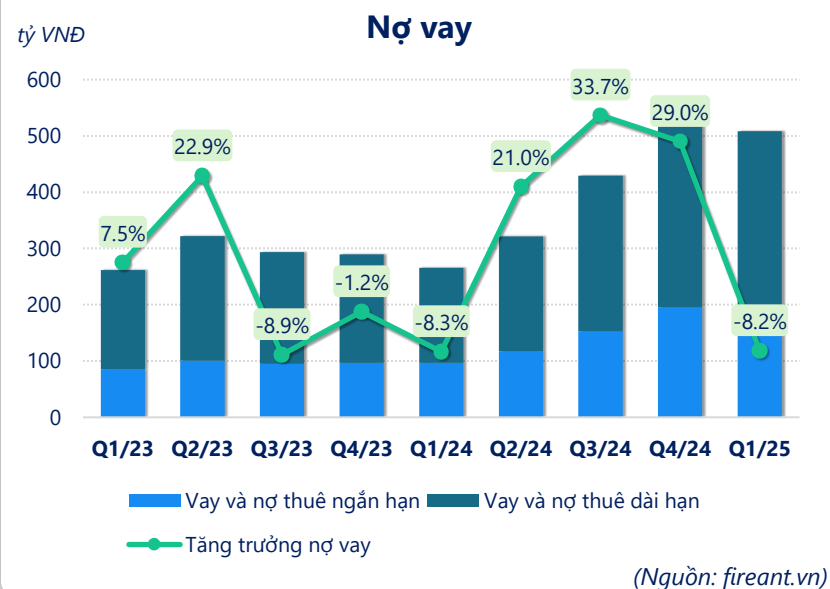
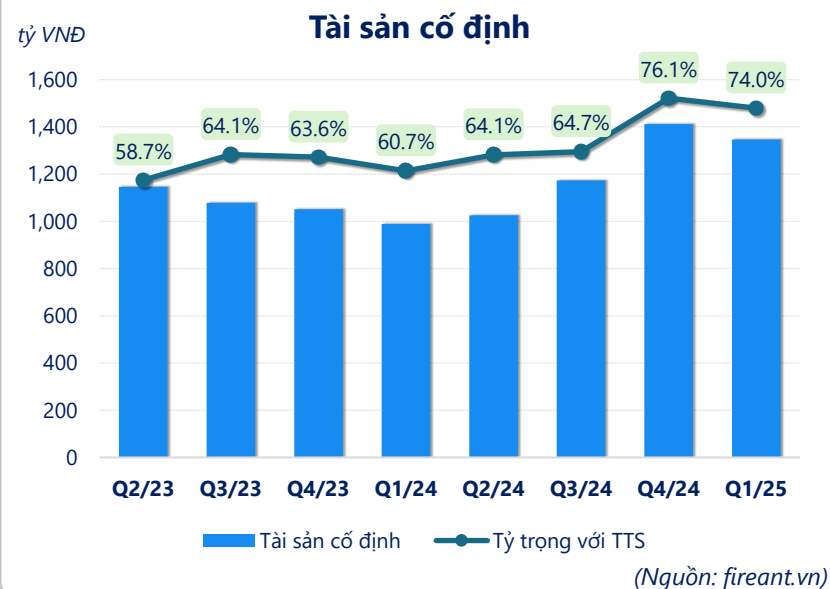
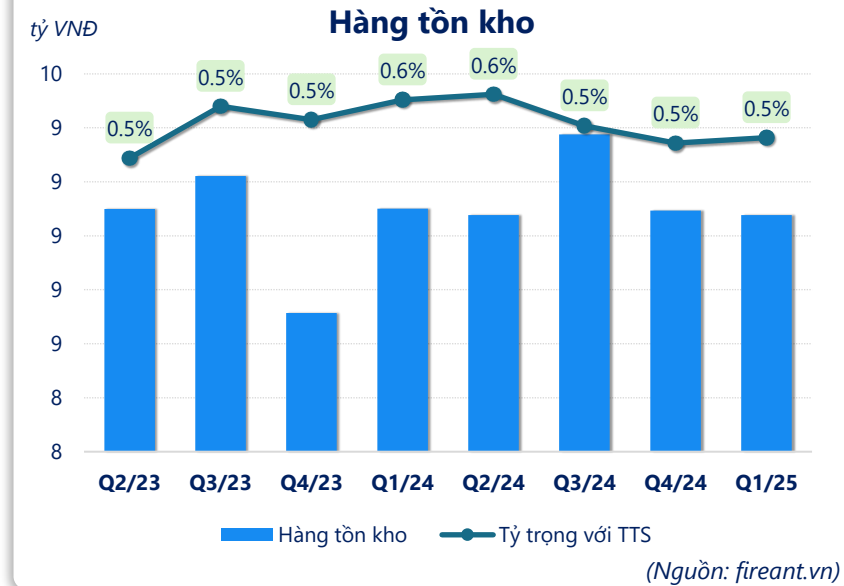
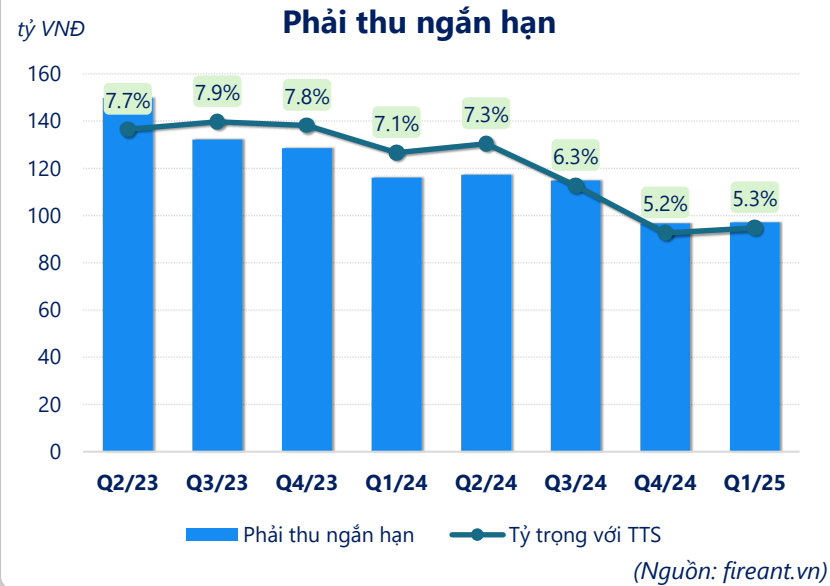
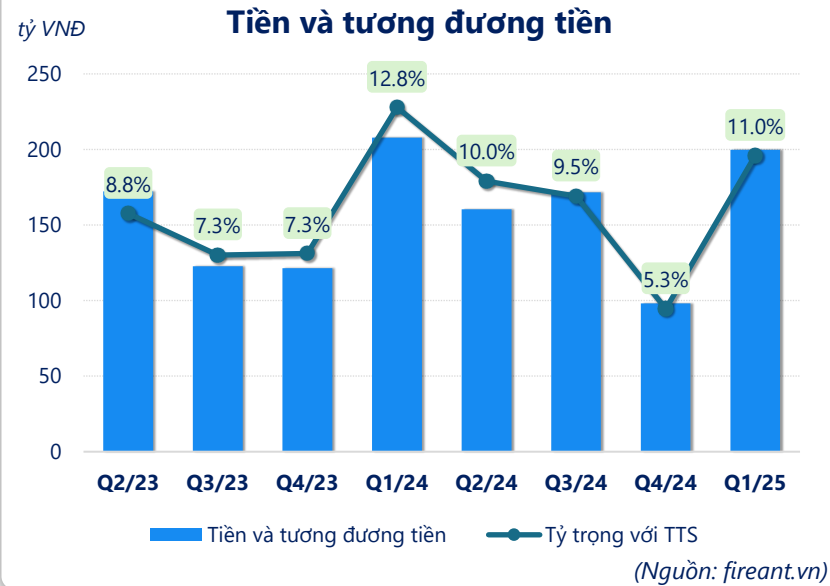
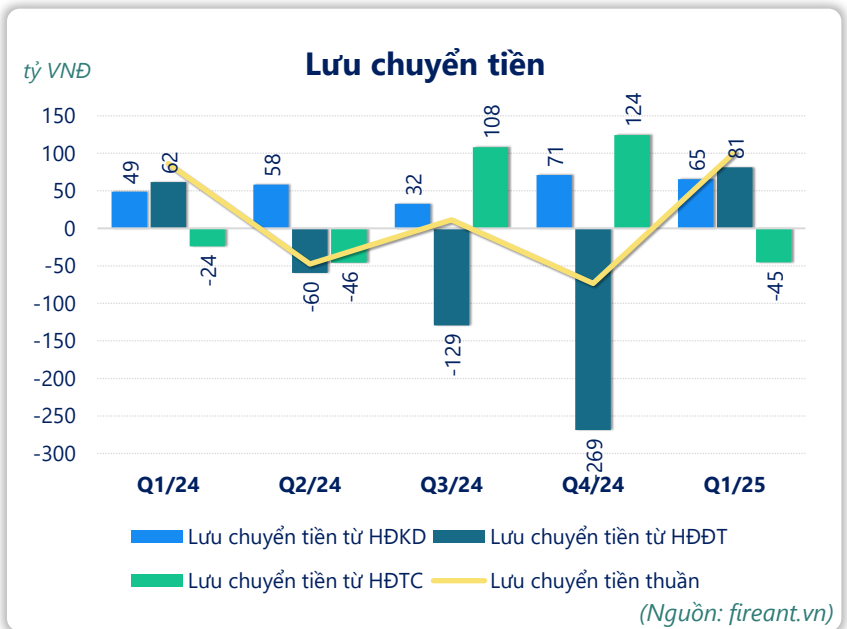
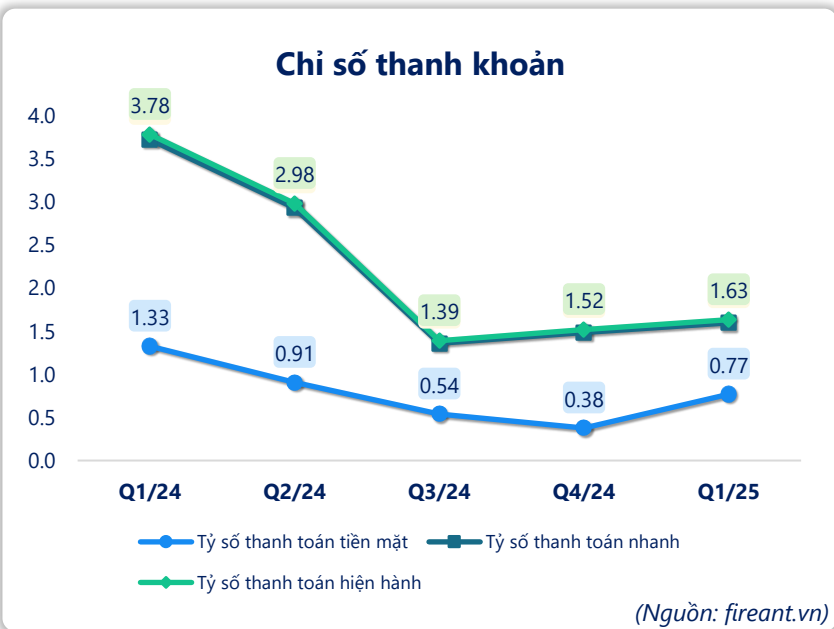
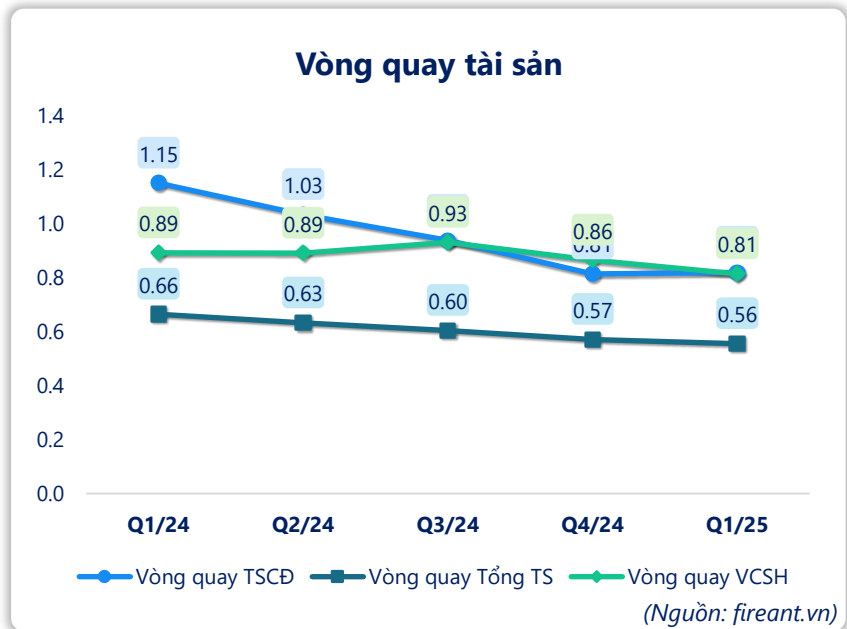
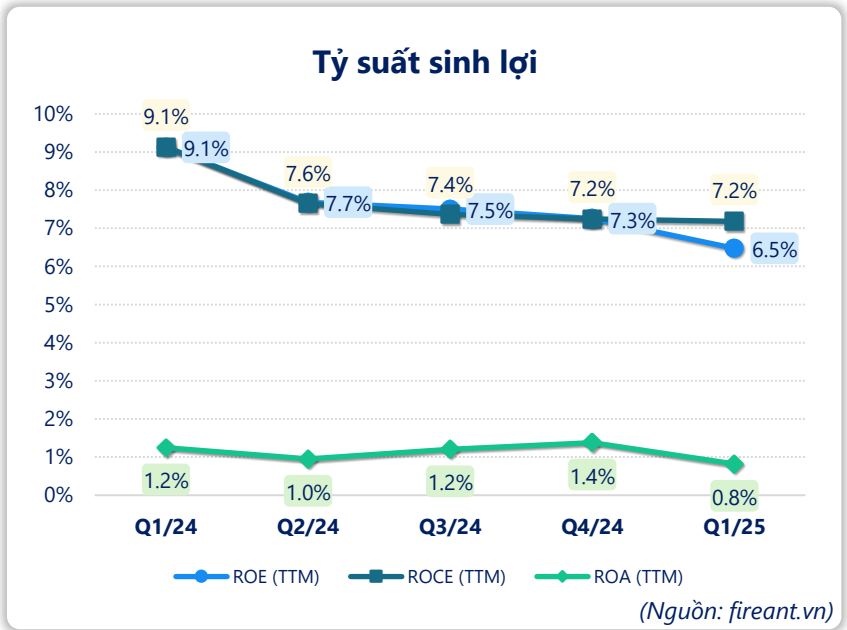
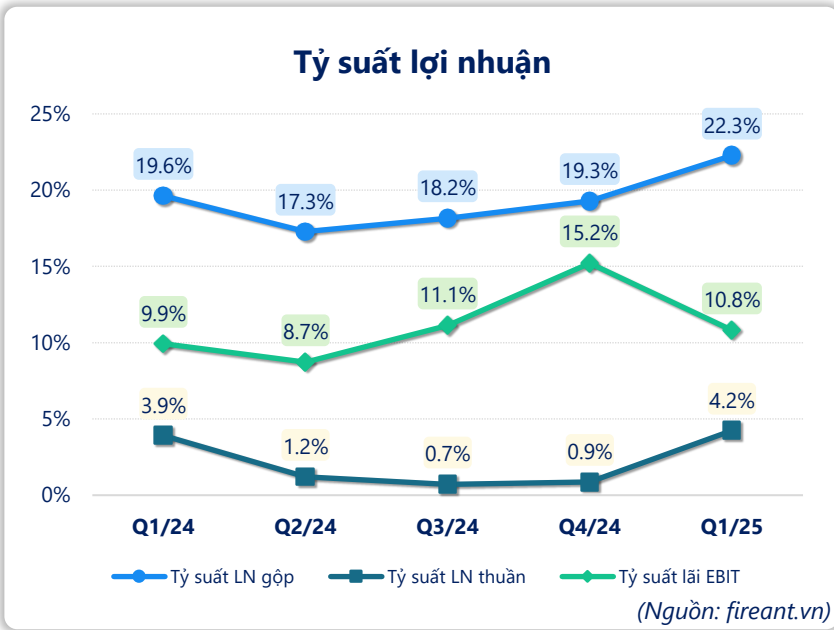
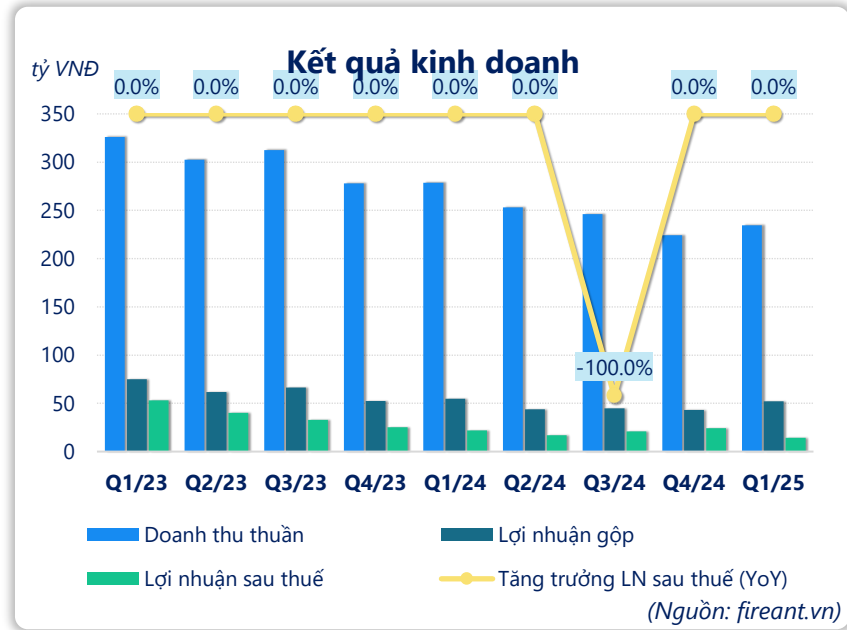


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,441
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,000
SL cổ phiếu LH		67,859,192
KLGD BQ 20 phiên (CP)		22,650
% sở hữu nước ngoài		2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		706
P/E		9.3
EPS		1,123

	YTD	1T	3T	6T
VNS	-1.0%	-1.0%	2.0%	0.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,820	1,855	-1.9%
Tài sản ngắn hạn	424	396	7.1%
Tiền và tương đương tiền	200	98.2	103%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105	172	-38.8%
Phải thu ngắn hạn	97.1	96.7	0.5%
Hàng tồn kho	9.08	9.09	-0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	12.6	19.8	-36.4%
Tài sản dài hạn	1,397	1,459	-4.3%
Phải thu dài hạn	3.18	3.09	3.0%
Tài sản cố định	1,347	1,411	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản dài hạn khác	46.5	44.9	3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	657	706	-6.9%
Nợ ngắn hạn	260	260	-0.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	196	195	0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	13.1	0.9%
Nợ dài hạn	397	445	-10.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	313	359	-12.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,164	1,150	1.2%
Vốn chủ sở hữu	1,164	1,150	1.2%
Vốn điều lệ	679	679	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	279	253	246	224	234
Giá vốn hàng bán	224	209	201	181	182
Lợi nhuận gộp	54.7	43.8	44.7	43.2	52.2
Doanh thu HĐTC	4.50	3.72	3.62	2.88	3.21
Chi phí TC	5.66	5.18	6.47	8.33	7.95
Chi phí lãi vay	5.65	5.16	6.44	8.33	7.94
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	20.3	18.7	19.6	16.3	17.7
Chi phí QLDN	22.4	20.5	20.6	19.5	19.8
LN thuần từ HĐKD	10.9	3.07	1.75	1.97	9.93
Lợi nhuận khác	11.1	13.9	19.2	23.8	7.47
LN trước thuế	22.0	16.9	21.0	25.7	17.4
Lợi nhuận sau thuế	22.0	16.9	21.0	24.2	14.2
LNST của CĐ cty mẹ	22.0	16.9	21.0	24.2	14.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	49.0	58.1	32.5	71.1	65.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	61.7	-59.6	-129	-269	81.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-24.2	-46.0	108	124	-45.2
Tiền đầu kỳ	121	208	160	172	98.2
Lưu chuyển tiền thuần	86.6	-47.5	11.3	-73.4	102
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	208	160	172	98.2	200

(Nguồn: fireant.vn)